

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔ LƯƠNG
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/DSST
Ngày 02 - 02 - 2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG – TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Hồng Thê

Các Hội thẩm nhân dân: bà Đoàn Thị Quyên và ông Lê Văn Lai

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kỳ

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đô lương tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Trọng Dũng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày từ ngày 30 tháng 01 năm 2018 đến ngày 02 tháng 02 tháng 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2017/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp *hợp đồng vay tài sản* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Bá C – sinh năm 1987

Hộ khẩu thường trú: Xóm VĐ, xã HS, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.
Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Trần Hữu S – sinh năm 1964

Địa chỉ: xóm HT, xã HS, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Có mặt.

(Giấy ủy quyền tham gia tố tụng lập ngày 07/10/2017)

- Bị đơn: Chị Trần Thị P – sinh năm 1973

Hộ khẩu thường trú: Xóm VĐ, xã HS, huyện Đô Lương, Nghệ An. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh Trần Hữu T – sinh năm 1970

Hộ khẩu thường trú: Xóm VĐ, xã HS, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

Có mặt.

- Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Bá Đ – sinh năm 1939 (tên thường gọi Nguyễn Bá H)

Địa chỉ: xóm VĐ, xã HS, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị C – sinh năm 1946 (tên thường gọi bà H)

Địa chỉ: xóm VĐ, xã HS, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà C: ông Trần Hữu S (theo Giấy ủy quyền lập ngày 25/10/2017).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07/10/2017 của nguyên đơn anh Nguyễn Bá C, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - ông Trần Hữu S (đồng thời là người đại diện cho người làm chứng bà Nguyễn Thị C) trình bày:

Vào ngày 15/3/2015, chị Trần Thị P lập phường với mỗi suất 1.000.000 đồng nên anh Nguyễn Bá C (con trai của ông Đc và bà C – bà C còn có tên thường gọi là bà H) lúc ấy đang làm ăn trong miền Nam có nhờ mẹ đẻ là bà C đăng ký tham gia 2 suất phường. Anh C có làm giấy ủy quyền cho bà C nộp tiền phường và việc này thì chị P đã biết vì vợ chồng bà C – ông Đ là hộ nghèo, lấy đâu ra tiền để nộp phường mỗi tháng 2.000.000 đồng/2 suất được. Thời điểm anh C về xã HS để xác nhận vào giấy ủy quyền là ngày 15/3/2016 và chị P đã biết về Giấy này, còn dòng chữ “HS, Ngày 15.3.2015” trong Giấy ủy quyền là do ông S viết vào.

Hàng tháng, anh C gửi tiền về cho bà C nộp phường đồng thời gửi thêm tiền để hỗ trợ bà C – ông Đ trong cuộc sống. Các thành viên trong phường bao gồm: chị P, anh C (đăng ký 02 suất, xin nhận 2 suất cuối của phường), Trần Hữu Bộ (Bình), Nguyễn Thị Phương (Sơn), Phạm Văn Vịnh (Hòa), Phạm Thị Văn, Nguyễn Thị Hương, Nguyễn Thị Ninh (Lộc), Phạm Văn Lượng (Hiền), Nguyễn Duy Minh (Hoa), Nguyễn Thị Hoàng (Hạnh), Trần Thị Lưu, Trần Thị Hương (Xuân), Trần Thị Mạo, Trần Thị Dũng (Mậu), Ngô Thị Lan (Nam), Nguyễn Thị Hồng (Lam), Võ Thị Hồng (Hàm), Trần Thị Từ, Đặng Văn Lộc (Lưu), Đặng Văn Dũng (Cường), Phạm Thị Thịnh (Sáng), Nguyễn Thị Kiều (Sơn). Trưởng phường là chị P, khi họp phường ban đầu đều có chữ ký của các thành viên phường và phải cử thư ký họp phường.

Theo như cam kết của phường thì phường này có 28 suất, mỗi suất nộp mỗi tháng 1.000.000 đồng, ai đấu cao nhất thì được bốc phường; các thành viên phường chỉ liên hệ với trưởng phường, nộp tiền và nhận tiền phường qua trưởng phường, không liên quan đến thành viên khác. Nếu ai nộp chậm thì bị phạt 100.000 đồng, riêng trưởng phường thì phải trả tiền cho người đấu thắng trong 03 ngày kể từ ngày có kết quả đấu phường.

Anh C không đầu mà nhận 02 suất cuối, mỗi suất 26 triệu đồng, tổng 2 suất là 52.000.000 đồng gồm: suất thứ 27 nhận ngày 15/5/2017 và suất thứ 28 nhận ngày 15/6/2017.

Tuy nhiên, mặc dù đã đến thời gian bốc phường của anh C nhưng chị P không cho nhận với lý do là chị P giữ lại để trừ vào phường nợ của chị Minh (con dâu bà C). Điều này là vô lý vì tiền của anh C không liên quan gì đến tiền của bà C hay chị Minh cả. Bà C chỉ nộp tiền phường thay anh C chứ không phải là suất phường của bà C. Bà C không có quyền lợi gì liên quan đến phường ngày 15/3/2015 ngoài trách nhiệm là người nộp hộ cả. Hơn nữa, tài liệu liên quan đến nợ phường của chị Minh có nhiều chỗ chữ viết không phải là của bà H (tức bà C) mà là chữ do chị P viết vào nên không khách quan.

Ông S không thừa nhận nội dung biên bản họp phường vì chỉ có chị P viết vào mà không có thư ký phường.

Bà C không có quyền lợi gì trong phường ngày 15/3/2017 mà chỉ là người nộp hộ tiền cho anh C và vì vậy cũng chưa bao giờ có sự việc bà C chuyển quyền yêu cầu cho anh C. Quá trình phường hoạt động thì anh C và bà C cũng không thông báo cho chị P bằng văn bản về việc suất phường đứng tên bà C là suất của anh C hoặc bà C chuyển suất phường của mình lại cho anh C bởi đó đương nhiên là suất của anh C.

Nguyên đơn yêu cầu chị P phải trả lại cho anh C số tiền phường là 52.000.000 đồng và tiền lãi 1%/tháng kể từ ngày 18/5/2017 cho đến nay là 3.640.000 đồng.

Với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của bà C, ông S cũng đề nghị chị P trả lại tiền phường trên cho anh C. Còn bà C do không phải là người sở hữu số tiền trên nên không có quyền lợi gì yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn chị Trần Thị P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Hữu T trình bày:

Ngày 15/3/2015, chị P có gây phường với 22 thành viên, 28 suất phường, mỗi suất 1.000.000 đồng. Phường không cử thư ký vì phường nhỏ, cử thư ký thì phải có thêm chi phí cho thư ký hoạt động nên chị P viết biên bản họp phường luôn. Những thành viên trong phường gồm: vợ chồng P - T, bà H (tức bà C, mẹ anh C), Trần Hữu Bộ (Bình), Nguyễn Thị Phương (Sơn), Phạm Văn Vịnh (Hòa), Phạm Thị Văn, Nguyễn Thị Hương, Nguyễn Thị Ninh (Lộc), Phạm Văn Lượng (Hiền), Nguyễn Duy Minh (Hoa), Nguyễn Thị Hoàng (Hạnh), Trần Thị Lưu, Trần Thị Hương (Xuân), Trần Thị Mạo, Trần Thị Dũng (Mậu), Ngô Thị Lan (Nam), Nguyễn Thị Hồng (Lam), Võ Thị Hồng (Hàm), Trần Thị Từ, Đặng Văn Lộc (Lưu), Đặng Văn Dũng (Cường), Phạm Thị Thịnh (Sáng), Nguyễn Thị Kiều (Sơn). Mỗi lần bốc phường thì người được bốc phải chi 200.000 đồng chè nước và tiền công cho trưởng phường.

Bà C không đầu mà nhận 02 suất cuối, mỗi suất 26 triệu đồng, tổng 2 suất là 52.000.000 đồng gồm: suất thứ 27 nhận ngày 15/5/2017 và suất thứ 28 nhận ngày 15/6/2017; trừ đi tiền chè nước và tiền công của trưởng phường thì bà C được nhận 51.600.000 đồng.

Trong biên bản họp phường có ghi tên các thành viên trong phường nhưng không bao giờ có sự xuất hiện của anh C cả vì anh C ở miền Nam làm ăn nhiều năm nay, không về địa phương nên chị P không cho anh C tham gia. Các lần nộp tiền phường đều ghi nhận tên của bà C (bà H). Giấy ủy quyền nộp tiền của anh C thì chị P mới được thấy từ khi bà C khiếu nại lên Đảng ủy xã HS chứ trước đó, tờ giấy này chưa bao giờ được bà C xuất trình.

Lý do bà C dựng chuyện anh C ủy quyền nộp tiền phường là vì bà C muốn tránh nghĩa vụ bảo lãnh tiền nợ phường 62.000.000 đồng cho chị Nguyễn Thị Minh (vợ anh Uyển và là con dâu của bà C) để anh C thực hiện việc khởi kiện. Anh chị không chấp nhận trường hợp bà C chuyển quyền yêu cầu nhận tiền phường cho anh C để trốn tránh nghĩa vụ vì như vậy là bất hợp pháp. Tuy nhiên, vụ án này tự bà C xác định là không có quyền lợi gì nên anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề gì với bà C.

Từ khi bắt đầu cho đến kết thúc phường, chưa bao giờ có việc chuyển giao suất phường giữa thành viên nào cho anh C cả. Anh T, chị P xác định, trong quan hệ phường thiết lập ngày 15/3/2015 thì anh C không phải là thành viên của phường nên không có quyền lợi gì liên quan do vậy anh chị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Người làm chứng ông Nguyễn Bá Đ trình bày: do con trai Nguyễn Bá C nhờ tìm phường nên vợ ông là bà C đã đặt vấn đề theo phường do chị P lập ngày 15/3/2015 với 2 suất, mỗi suất 1.000.000 đồng. Từ khi bắt đầu theo phường, anh C gửi về cho ông Đ (qua anh trai Nguyễn Bá Thân) số tiền 6.000.000 đồng để nộp trong 3 tháng; sau đó thì vợ chồng anh C gửi tiền về cho ông qua Ngân hàng nông nghiệp huyện Đô Lương để nộp tiền phường cho chị P và hỗ trợ ông bà tiền ăn hàng tháng từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng. Ngoài ra, từ tháng 9/2015 thì bà C có theo cho anh C thêm 01 suất phường trị giá 1.000.000 đồng nữa tại chủ phường Lê Thị Ái (riêng phường này thì anh C đã bốc vào ngày 13/11/2015, toàn bộ số tiền anh C mang vào miền Nam và hàng tháng chuyển gửi qua ngân hàng kèm thêm nguyên suất 1.000.000 đồng nộp cho bà Ái). Trong tổng số tiền anh C gửi về luôn có 3.000.000 đồng để nộp 2 phường mỗi tháng và tiền ăn cho ông bà. Việc chị Minh (con dâu của ông bà) theo phường tại nhà chị P là việc riêng của chị Minh, không liên quan gì đến anh C nên chị P không được quyền giữ tiền phường của anh C để trừ nợ phường của chị Minh. Bản thân ông cũng chưa bao giờ xin theo phường cho anh C hay bất cứ ai tại chị P mà đều do vợ ông liên hệ thực hiện. Ông bà là người cao tuổi, không lao động, sống phụ thuộc vào sự hỗ trợ của các con và là hộ nghèo thì vợ chồng ông bà không thể có thu nhập hàng tháng 2.000.000 đồng để theo 2 suất phường tại chị P được. Tại thời điểm 15/3/2015 thì anh C đang sống và làm việc tại miền Nam, không có mặt ở xã HS; vợ chồng ông bà cũng không chuyển quyền yêu cầu gì cho anh C cả. Ông Đ đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị P phải trả tiền phường lại cho anh C. Còn vợ chồng ông do không phải là người sở hữu số tiền trên nên không có quyền lợi gì yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông bà.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương phát biểu ý kiến theo quy định tại điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự như sau:

- Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý vụ án, thông báo thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác minh và thu thập chứng cứ, tổ chức hòa giải cũng như thời hạn giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định về thành phần, nguyên tắc xét xử, trình tự tố tụng tại phiên tòa.

Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: sau khi phân tích các tình tiết của vụ án và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 186, khoản 1 điều 192; điểm g khoản 1 điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ giải quyết vụ án vì nguyên đơn không có quyền khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về nội dung:

Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự thì có thể xác định: vào ngày 15/3/2015, chị Trần Thị P (chủ phường) lập phường với 22 thành viên, 28 suất phường, mỗi suất trị giá 1.000.000 đồng, ngày bốc phường là ngày 15 hàng tháng và ngày trả phường do chủ phường thực hiện chậm nhất vào ngày 17 hàng tháng. Chủ phường được hưởng hoa hồng cho mỗi lần nhận phường là 100.000 đồng, người lĩnh phường là người trả lãi cao nhất trong kỳ mở phường nên theo quy định tại điều 18, điều 24 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 thì đây là phường có lãi, hưởng hoa hồng và được điều chỉnh bởi pháp luật dân sự cũng như những thỏa thuận khác không trái đạo đức xã hội và không vi phạm điều cấm của pháp luật.

Các đương sự thống nhất với nhau về danh sách 21 thành viên phường; thành viên còn lại thì có sự mâu thuẫn, cụ thể: theo nguyên đơn thành viên thứ 22 là anh Nguyễn Bá C, còn theo bị đơn thì đó là bà H (tức bà Nguyễn Thị C, mẹ anh C). Hội đồng xét xử xét:

Nguyên đơn không cung cấp được Biên bản họp phường nhưng không thừa nhận Biên bản họp nhóm phường tự nguyện ngày 15/3/2015 do bị đơn cung cấp (tài liệu này được Tòa án y sao bản chính từ sổ phường). Bị đơn cũng khẳng định, trong ngày 15/3/2015, chỉ duy nhất phường này được thành lập và không có biên bản họp phường nào khác để giao nộp cho Tòa án.

Xét Biên bản họp nhóm phường tự nguyện có các nội dung: *phường đấu một tháng 1 lần vào ngày 15 hàng tháng dương lịch, đấu vào buổi trưa 1 giờ 30, số tiền 1.000.000 đồng, đấu số tiền mất đi, ai cao người đó được, thời gian đấu là nộp tiền luôn, người được phường nhận phường qua trưởng phường vào ngày thứ 3 (17 hàng tháng), nếu ai nộp chậm phạt 100.000 đồng, đấu phường đấu tròn chục, không đấu lẻ số nghìn, đấu rồi phải nộp nguyên suất; tiền nước và lệ*

phí trưởng phường 1 lần đầu là 200.000 đồng; mọi vấn đề trưởng phường chịu trách nhiệm; lưu ý nếu đấu trùng nhau thì những người đấu trùng phải đấu lại, số tiền phải cao hơn lần đấu trước mới hợp lệ, không được nhường nhau. Và danh sách phường: theo thứ tự thì bà Hiền (2) đứng vị trí số 5 trong danh sách.

Hội đồng xét xử thấy: về thời gian, nghĩa vụ, quyền lợi, định mức và cách thức hoạt động của phường phản ánh trong Biên bản trên hoàn toàn phù hợp với trình bày của các bên đương sự; hơn nữa, sau Biên bản này là lần lượt các lượt đấu phường từ suất thứ nhất đến suất thứ 28 vào các ngày 15/3/2015, 15/4, 15/5, 15/6, 15/7, 15/8, 15/9, 15/10, 15/11, 15/12, 15/1, 15/2/2016, 15/3, 15/4/2016, 15/5, 15/6, 15/7, 15/8, 15/9, 15/10, 15/11, 15/12, 15/1, 15/2, 15/3, 15/4, 15/5, 15/6/2017. Thêm vào đó, 21 thành viên phường đều xác nhận nội dung trình bày của bị đơn về việc hợp phường và tên của thành viên phường. Diễn biến sự việc được ghi nhận đã xảy ra theo trình tự thời gian nên hợp logic và đủ cơ sở để khẳng định, Biên bản hợp nhóm phường tự nguyện là tài liệu tồn tại khách quan trước khi các bên xảy ra tranh chấp, vì vậy được sử dụng làm chứng cứ để giải quyết vụ án.

Trong các tài liệu phản ánh danh sách đấu và nhận tiền 26 suất phường đều có tên người nộp tiền là bà H (2) mà không có người nào tên là C hoặc Nguyễn Bá C.

Nguyên đơn cho rằng, chị P đã biết việc anh C ủy quyền cho bà C nộp tiền phường ngay từ khi lập phường nhưng không đưa ra được tài liệu chứng minh. Cũng theo ông S, ông Đ thì vào ngày 15/3/2015, anh C đang ở miền Nam, bà C ở HS nên vào thời điểm đó cả anh C và bà C không thể cùng ký vào Giấy ủy quyền được. Ông S cho rằng, vào ngày 15/3/2016, khi về quê, anh C đã mang giấy ủy quyền lên xã HS để xin xác nhận. Tuy nhiên, lời khai này cũng không có căn cứ vì chính ông S là người đã trực tiếp viết dòng chữ “HS, Ngày 15.3.2015” trước phần xác nhận của Ủy ban nhân dân xã HS. Như vậy, có thể khẳng định Giấy ủy quyền này chưa được tạo lập tại thời điểm chị P tổ chức phiên họp và đấu phường đầu tiên, thời điểm tạo lập giấy và thời điểm ghi nhận trong giấy cũng không phù hợp với nhau nên Giấy này không phản ánh sự thật khách quan và không được sử dụng làm chứng cứ để giải quyết vụ án. Bản thân bị đơn cũng khẳng định là quá trình hoạt động phường không có sự xuất hiện của Giấy ủy quyền nộp tiền phường nên chị P không có nghĩa vụ phải suy đoán về giao dịch giữa bà C và anh C.

Ngoài ra, để chứng minh việc anh C tham gia phường, ông S còn yêu cầu tòa án thu thập các giao dịch chuyển tiền giữa vợ chồng anh C – chị Xuân cho vợ chồng ông Đ – bà C (vừa để nộp tiền phường, vừa để nuôi ông Đ và bà C) trong thời gian từ ngày 15/3/2015. Qua tài liệu do Ngân hàng nông nghiệp huyện Đô Lương cung cấp thì từ ngày 15/3/2015 cho đến trước ngày 07/8/2015, không có giao dịch chuyển tiền nào và đến ngày 07/4/2017 thì kết thúc với 8 lần giao dịch chuyển với tổng số tiền là 42.600.000 đồng. Ông S cho rằng trước ngày 07/8/2015 thì anh C chuyển tiền qua anh Thân 6.000.000 đồng để nộp phường; như vậy tổng cộng số tiền ông Đ nhận từ anh C là 48.600.000 đồng.

Cũng theo ông Đ, ông S trong số tiền chuyển này còn có tiền ăn dành cho ông Đ – bà C là từ 7.500.000 đồng đến 12.500.000 đồng (thời gian 25 tháng kể từ tháng 3/2015 đến tháng 4/2017); tiền nộp phường cho bà Ái là 16.000.000 đồng (16 tháng kể từ tháng 12/2015 đến tháng 4/2017). Như vậy, sau khi trừ tiền ăn và tiền phường của bà Ái thì anh C – chị Xuân đã gửi cho ông Đ số tiền từ 20.100.000 đồng đến 25.100.000 đồng để nộp cho chị P. Cân đối danh sách nhận và đầu phường, bà H đã nộp số tiền là 45.440.000 đồng và số tiền này rõ ràng gấp khoảng 2 lần số tiền anh C đã gửi nên càng không có cơ sở để xác định, số tiền phường bà C đã nộp cho chị P chính là tiền của anh C.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xác định: anh Nguyễn Bá C không phải là thành viên phường do chủ phường Trần Thị P lập vào ngày 15/3/2015 như trình bày của nguyên đơn. Do vậy, giữa chị P và anh C không có giao dịch về tài sản theo quy định tại Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ vào lời trình bày của ông Đ, bà C và ông S thì bà C, ông Đ không có quyền lợi gì liên quan đến khoản tiền phường 52.000.000 đồng; giữa bà C, ông Đ và anh C không có quan hệ chuyển giao quyền yêu cầu theo quy định tại điều 309 Bộ luật dân sự 2005, khoản 3 điều 21, điều 26 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 và Điều 365 Bộ luật dân sự năm 2015 nên anh C không có quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm. Vì vậy, theo quy định tại Điều 164 Bộ luật dân sự 2015, anh C không có quyền lợi đối với số tiền phường 52.000.000 đồng chị P đang cầm giữ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết vụ án theo khoản 1 điều 192 với lý do nguyên đơn không có quyền khởi kiện là không đúng với quy định của pháp luật. Bởi lẽ: theo hướng dẫn tại Điều 2 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 thì anh C không thuộc trường hợp không có quyền khởi kiện do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận theo đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát.

[2]. Về án phí: do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 164; Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ.

Khoản 1 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 26 Nghị quyết 326/2019/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Bá C về việc buộc chị Trần Thị P trả số tiền phường gốc 52.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ tiền gốc là 3.640.000 đồng.

- Về án phí: Anh Nguyễn Bá C phải chịu 2.782.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền 1.365.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0002920 ngày 17/10/2017 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương phát hành. Anh C còn phải nộp số tiền 1.417.000 đồng.

Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đô Lương;
- Chi cục THADS huyện Đô Lương;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Hồng Thê